

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

-----o0o-----

BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA NHÀ MÁY NƯỚC THỊ TRẤN NÔNG TRƯỜNG VIỆT
TRUNG THUỘC CÔNG TY CP CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH

Địa điểm: TT Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

CHỦ CƠ SỞ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
QUẢNG BÌNH



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tiên

Quảng Bình, tháng 12, năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC BẢNG	5
DANH MỤC HÌNH ẢNH	6
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT	7
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	8
1. Tên chủ cơ sở:	8
2. Tên cơ sở:	8
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	9
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.	9
3.2. Công nghệ xử lý nước của nhà máy.....	10
3.2. Sản phẩm của cơ sở.....	12
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	12
4.1. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước.....	12
4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện.....	13
4.3. Nhu cầu hóa chất xử lý nước	13
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có)	13
Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	14
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	14
2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	16
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	18
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	18
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	18
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	18
3.1.3. Xử lý nước thải.....	21
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	23
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	23
3.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại.....	25

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở	25
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	25
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	28
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	28
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	30
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	30
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước mặt.....	30
5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với tiếng ồn.....	31
5.4. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với điện trở tiếp đất	32
5.5. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước sinh hoạt.....	32
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....	34
CỦA CƠ SỞ	34
6.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.	34
6.1.1. <i>Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....</i>	<i>34</i>
6.2.2. <i>Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....</i>	<i>34</i>
6.2.3. <i>Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của cơ sở.....</i>	<i>34</i>
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	34
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	36
Chương VIII. CAM KẾT CHỦ CƠ SỞ	37
CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO	38



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tọa độ vị trí xả thải và vị trí nguồn tiếp nhận nước thải	20
Bảng 2. Thành phần rác thải sinh hoạt.....	24
Bảng 3. Giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm nước thải công nghiệp	28
Bảng 4. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải.....	30
Bảng 5. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước mặt.....	30
Bảng 6. Kết quả đo tiếng ồn.....	31
Bảng 7. Kết quả đo điện trở tiếp đất	32
Bảng 8. Kết quả phân tích chất lượng nước sinh hoạt	32
Bảng 9. Dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường hằng năm .	34

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Sơ đồ quy trình khai thác, sử dụng nước của Nhà máy	11
Hình 2. Hệ thống xử lý nước của Nhà máy	12
Hình 3. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa	18
Hình 4. Hình ảnh hồ ga tại cơ sở	18
Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.	19
Hình 6. Vị trí xả thải và nguồn tiếp của Nhà máy trên Google Maps	21
Hình 7. Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước.	21
Hình 8. Mặt cắt bề lửng	22
Hình 9. Thùng rác	27
Hình 10. Nội quy an toàn hóa chất	27

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

KKT	:	Khu kinh tế
MT	:	Môi trường
QT	:	Quan trắc
PTMT	:	Phân tích môi trường
TNMT	:	Tài nguyên môi trường
HC	:	Hydrocacbon
BOD ₅	:	Nhu cầu oxy sinh hoá đo ở 20 ⁰ C - đo trong 5 ngày
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên.
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học.
DO	:	Ôxy hòa tan
DSGDTE	:	Dân số gia đình trẻ em
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường.
MPN	:	Số lớn nhất có thể đếm được (phương pháp xác định vi sinh)
GHCP	:	Giới hạn cho phép
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
UBND	:	Ủy Ban Nhân Dân
UBMTTQ	:	Ủy ban mặt trận tổ quốc
KTXH	:	Kinh tế xã hội
WHO	:	Tổ chức Y tế Thế giới
VOC	:	Chất hữu cơ bay hơi
HC	:	Hydrocacbon

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

Công ty CP Cấp nước Quảng Bình

Địa chỉ văn phòng: Số 81, đường Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Nguyễn Văn Dũng - Chức vụ: Giám đốc.

Điện thoại: 052.3822620; Fax: 0523.823292;

Email: capnuocqb@gmail.com.

Giấy đăng ký kinh doanh số 3100130287 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 28/03/2006, cấp lại lần 8 vào ngày 05 tháng 08 năm 2020.

2. Tên cơ sở:

Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung

Địa điểm cơ sở: Nằm trên địa bàn TK 3 thị trấn Nông trường Việt Trung huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Các văn bản pháp lý liên quan đến cơ sở:

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 52/GP-STNMT ngày 19/01/2021 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình cấp.

+ Quyết định số 3333/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 23/11/2005 về việc phê duyệt lại dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống cấp nước thị trấn Nông trường Việt Trung – huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

+ Hợp đồng thuê đất số 57/HĐTD của UBND tỉnh Quảng Bình – Sở Tài nguyên và Môi trường về việc cho Công ty Cổ phần cấp nước Quảng Bình thuê khu đất có diện tích 3.368,6 m² tại tổ dân phố 3, thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình với thời hạn đến hết ngày 16/11/2057.

+ Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 2281/GP-UBND ngày 18/8/2015 do UBND tỉnh Quảng Bình cấp.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Tổng mức đầu tư của dự án là 10,615 tỷ đồng thuộc dự án nhóm C.



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP dự án thuộc nhóm II, do đây là dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh Quảng Bình.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.

Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình được xây dựng với nhiệm vụ cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt cho các cơ quan và các hộ dân cư đóng trên địa bàn. Nguồn nước khai thác của nhà máy được lấy trực tiếp từ sông Dinh, đoạn chảy qua địa bàn thị trấn. Công suất thiết kế của nhà máy là 1000 m³/ngày đêm. Hiện tại sản lượng khai thác nước của nhà máy trung bình đạt từ 350 m³/ngày đêm trở lên.

- Nhiệm vụ xử lý nước đạt tiêu chuẩn cho phép theo QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Tổng lượng nước khai thác của cơ sở cấp nước thị trấn Nông trường Việt Trung sử dụng trong từng năm ước tính khoảng:

$Q_{\text{năm}} = \text{lượng nước khai thác lớn nhất (m}^3\text{/ngày)} \times \text{số ngày lấy nước/năm} = 1.000 \text{ m}^3\text{/ngày} \times 365 \text{ ngày} = 365.000 \text{ m}^3$.

- Lượng nước lớn nhất khai thác trong 1 tháng: Hoạt động sản xuất của nhà máy tương đối ổn định nên lượng nước khai thác hàng tháng không biến động quá lớn.

Dựa vào sổ ghi chép theo dõi chế độ khai thác thì lưu lượng khai thác lớn nhất của Nhà máy trong 1 tháng là: 30.000 m³.

- Nhu cầu khai thác, sử dụng nước lớn nhất: 30.000 m³/tháng (tương đương 1.000 m³/ngày)

- Nhu cầu khai thác, sử dụng nước trung bình: 24.000 m³/tháng (tương đương 800 m³/ngày).

- Nhu cầu khai thác, sử dụng nước nhỏ nhất: 18.000 m³/tháng (tương đương 600 m³/ngày).

Do khai thác nước phục vụ sinh hoạt nên lượng khai thác nước của Nhà máy thay đổi không lớn vào các mùa trong năm và trong suốt quá trình hoạt động.



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3.2. Công nghệ xử lý nước của nhà máy

Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung khai thác nước mặt sông Dinh của Công ty Cổ phần cấp nước Quảng Bình có quy mô 1000 m³/ngày đêm nhằm phục vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân trong vùng.

- Các hạng mục chủ yếu các công trình khai thác nước.

+ Giếng thu

+ Trạm bơm cấp I, trạm bơm cấp II

+ Bể chứa nước thô;

+ Bể chứa nước sạch

+ Đài chứa nước

+ Hệ thống đường ống dẫn nước.

- Phương thức khai thác, sử dụng:

+ Bơm cưỡng bức nước từ sông Dinh vào bể chứa nước thô, tại đây nước được làm trong và xử lý diệt trùng. Nước sau khi xử lý được chứa vào một bể nước sạch, từ bể này nước được bơm lên đài nước rồi tự chảy vào hệ thống cấp nước cho người dân tiêu thụ.

+ Nhà máy có hai trạm bơm:

- Trạm bơm cấp I gồm có 02 máy: 01 máy vận hành và 01 máy dự phòng; đều là máy bơm ly tâm trục ngang; công suất 13,6 kw; lưu lượng 18-169 m³/giờ, cột áp 29-17m.

- Trạm bơm cấp II gồm có 02 máy: 01 máy vận hành và 01 máy dự phòng; công suất máy 16,4 kw; lưu lượng 18 – 173 m³/giờ; cột áp 31-20 m.

+ Nhà máy có 2 máy điện phân muối ăn điều chế Javen (NaOCl) nhưng chỉ sử dụng 01 máy và 01 máy để dự phòng. Năng suất điều chế 50g/h; công suất tiêu thụ điện năng 125w/h.

+ Cụm xử lý nước cấp: 02 Bể lắng lọc hợp khối, thiết bị khử trùng, thiết bị rửa lọc, đài rửa lọc.

Kết cấu: Cụm xử lý nước cấp được xây dựng bằng bê tông cốt thép toàn khối, chiều dày thành bể: 200x220 mm. Chiều cao của cụm bể 4m.

Bể có hệ thống cầu thang lên bể; thành bể có hệ thống lan can bảo vệ bằng thép.

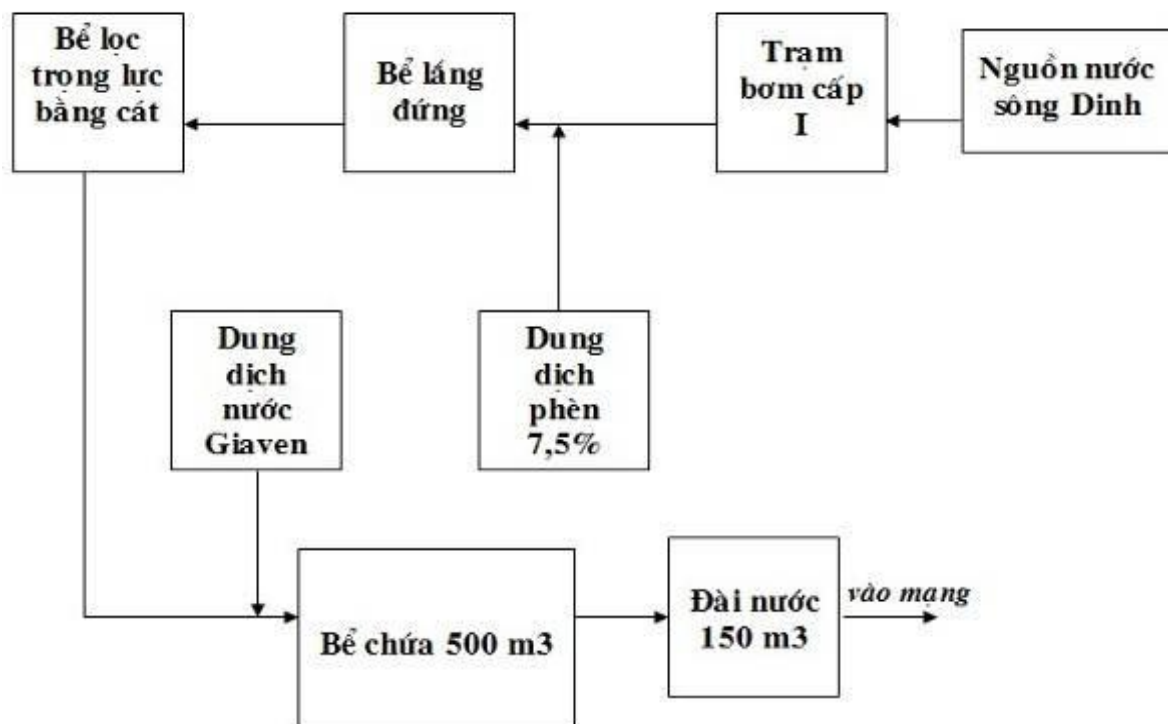


Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

+ Bể chứa nước sạch: gồm 01 bể, có dạng hình trụ, dung tích của bể 500 m³. Kết cấu: Bể chứa nước sạch được xây dựng bằng bê tông cốt thép toàn khối, chiều dài thành bể 220mm. Chiều cao của cụm bể 4,5m. Bể có nắp đậy kín bằng tấm đan bê tông.

+ Hệ thống đường ống dẫn nước: Bằng thép, đường kính 250mm, chiều dài tuyến ống 1 từ sông Dinh đến bể chứa nước thô là 150m, từ bể chứa nước thô đến bể chứa nước sạch khoảng 7m. Nước trong bể chứa nước sạch được bơm lên đài chứa nước cao 50m, dung tích 150 m³ bằng trạm bơm cấp II đặt trong bể. Đường ống dẫn nước từ bể tới đài nước dài khoảng 60m.

Sơ đồ quy trình khai thác, sử dụng nước mặt sông Dinh (hình 1)



Hình 1. Sơ đồ quy trình khai thác, sử dụng nước của Nhà máy

Thuyết minh quy trình khai thác nước: Bơm cấp I có nhiệm vụ bơm nước từ giếng thu lên hệ thống lắng lọc hợp khối, tại đây nước được làm trong và xử lý diệt trùng bằng phèn PAC và dung dịch nước Javen (NaOCl) được điện phân từ muối ăn. Bơm cấp II đặt trong bể chứa nước 500 m³ bơm cấp lên đài nước 150 m³, từ đây nước được thả tự chảy vào mạng cấp nước cho các hộ dân tiêu thụ. Có khi bơm thẳng nước từ bể chứa vào mạng lưới cấp nước sạch tới người dân.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.



Giếng thu nước



Họng thu nước



Hình 2. Hệ thống xử lý nước của Nhà máy

3.2. Sản phẩm của cơ sở

Nhà máy nước Thị trấn Nông trường Việt Trung tại Tiểu khu 3, thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình cung cấp nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn thị trấn Nông trường Việt Trung.

Công suất theo thiết kế là 1000 m³/ngày đêm;

Công suất khai thác tối đa hiện nay là 350 m³/ngày đêm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu và nguồn cung cấp nước

Nguồn khai thác nước mặt của Nhà máy là sông Dinh đoạn chảy qua TK3, thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Vị trí khai thác nước trên sông có tọa độ theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 2281/GP-UBND tỉnh Quảng Bình cấp ngày 18/8/2015 như sau: (Hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3 độ, kinh tuyến trực 106 độ).

X: 1933.077 m

Y: 553.637 m



Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn Tài nguyên nước

Điện thoại: 0942661956

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Sông Dinh là một con sông chảy từ Tây sang Đông, thuộc huyện Bố Trạch. Sông bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, hợp lưu ở khu vực thị trấn Nông trường Việt Trung, thuộc huyện Bố Trạch. Trên sông có hồ Thác Chuối. Sông cắt ngang đường Hồ Chí Minh, đi qua các xã Nam Trạch, Đại Trạch, cắt quốc lộ 1A, đổ ra biển Đông ở cửa biển xã Nhân Trạch. Sông chạy dài khoảng 15 km thì bị ngăn lại bởi đập thủy lợi Đá Mài, vị trí ở đoạn giáp ranh giữa Tiểu khu Hữu Nghị và Tiểu khu Quyết Thắng của TT Nông trường Việt Trung, dẫn nước tưới tiêu cho vùng lúa phía Nam huyện Bố Trạch và phía Bắc thành phố Đồng Hới. Đoạn sông rộng nhất khoảng 200 m, hẹp nhất khoảng 150 m. Về mùa lũ, nước sông đục và có dòng chảy lớn. Tuy nhiên, hầu như quanh năm nước trong, hiền hòa và khá đẹp. Tốc độ dòng chảy chậm do bị ngăn đập.

4.2. Nhu cầu và nguồn cung cấp điện

Nguồn cung cấp điện lấy từ lưới điện Quốc gia 35KV, lắp đặt một máy biến áp 100KVA của Điện lực huyện Bố Trạch thuộc Công ty Điện lực Quảng Bình.

- Điện tiêu thụ: 6500 Kwh/tháng.

4.3. Nhu cầu hóa chất xử lý nước

Nguyên nhiên liệu và hóa chất chủ yếu mà Nhà máy sử dụng trong sản xuất là: phèn PAC, NaCl và điện. Theo thống kê, lượng nguyên liệu và hóa chất sử dụng hàng năm như sau:

- Phèn PAC: 3800 kg/năm
- NaCl: 3200 kg/năm

Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng nguyên liệu thay đổi tùy theo sản lượng khai thác và chất lượng nguồn nước theo mùa.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có)

Bản cam kết bảo vệ môi trường của cơ sở đã được Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp giấy xác nhận đăng ký số:590/XN-UBND ngày 11-12-2006.



Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

a) Đánh giá sự phù hợp của địa điểm cơ sở với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Hiện nay quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia chưa ban hành nên chưa có đủ cơ sở để đánh giá tính phù hợp của cơ sở với quy hoạch này.

b) Đánh giá sự phù hợp của địa điểm cơ sở với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia

Ngày 05 tháng 9 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1216/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, trong đó đã đề ra các định hướng toàn diện, tổng thể về bảo vệ môi trường của đất nước. Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 166/QĐ-TTg về “Kế hoạch thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” nhằm cụ thể các nhiệm vụ, đề án, chương trình của chiến lược. Trong đó thời gian qua, công tác BVMT thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Nhận thức về BVMT đã có sự chuyển biến mạnh mẽ và ngày càng được coi trọng thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội. Môi trường được coi là yếu tố nền tảng, điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế, xã hội bền vững. Chính phủ và các địa phương kiên quyết không hy sinh môi trường vì mục đích tăng trưởng kinh tế. Đánh giá, phân tích sự phù hợp của cơ sở với “Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” như sau:

- Sự phù hợp về mục tiêu: Trong chiến lược bảo vệ môi trường đã đề ra mục tiêu đến năm 2030 như sau: “... Ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng môi trường sống; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, các-bon thấp vì sự nghiệp thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước...”. Chức năng và nhiệm vụ của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung là: Khai thác, xử lý nước sạch và cấp nước phục vụ sinh hoạt cho khối cơ quan hành chính và các hộ dân cư trên địa bàn thị trấn Nông trường Việt Trung. Đây là loại hình kinh doanh không ống khói, ít gây ô nhiễm môi trường. Như vậy cơ sở phù hợp với mục

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

tiêu của chiến lược.

- Sự phù hợp với các biện pháp bảo vệ môi trường của chiến lược: Trong chiến lược đã đưa ra các biện pháp tổng thể BVMT như sau: “... *Thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng có lợi cho các ngành kinh tế thân thiện với môi trường, hạn chế phát triển các nhóm ngành có nguy cơ cao gây ô nhiễm, suy thoái môi trường; từng bước xây dựng hạ tầng, môi trường pháp lý thuận lợi cho nền kinh tế xanh; nghiên cứu, xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí xác định ngành, khu vực kinh tế xanh; có các chính sách thúc đẩy, hỗ trợ khu vực kinh tế xanh phát triển...*”; ... “*Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn việc đưa công nghệ, máy móc, phương tiện, thiết bị cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường; đưa chất thải vào nước ta*”... Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung sẽ bố trí đầy đủ các công trình bảo vệ, xử lý môi trường nên phù hợp với biện pháp BVMT của Chiến lược.

Ngày 27/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1622/QĐ-TTg phê duyệt “*Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050*”, trong đó đã đề ra các định hướng toàn diện, tổng thể về quy hoạch và bảo vệ nguồn tài nguyên nước Quốc gia, cụ thể : “*.....mục tiêu đến năm 2030 đảm bảo nguồn nước góp phần nâng cao tỷ lệ sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt của dân cư đô thị đạt 95% - 100% và 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch*”. Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung khai thác nước thô từ sông Dinh. Tiêu chuẩn cấp nước năm 2020 khu vực nông thôn đạt 60 lít/ngày/người đáp ứng 85% dân số; năm 2030 khu vực nông thôn đạt 80l/ngày/người, đáp ứng 90% dân số, khu vực đô thị loại V đạt 120l/ngày/người đáp ứng 90% dân số nên hoàn toàn phù hợp với Quyết định về Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

c) Phù hợp với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch của tỉnh Quảng Bình.

Việc xây dựng Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 3333/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 23/11/2005, phù hợp với Quyết định số 377/QĐ-TTg về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, cụ thể:

+ *Phù hợp với định hướng quy hoạch*: Đối với việc xử lý chất thải rắn, cơ sở đã áp dụng các biện pháp phân loại tại nguồn, bố trí các công trình thu gom, lưu giữ theo quy định, việc vận chuyển xử lý được thực hiện phù hợp với



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

phương án đã nêu trong Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ *Phù hợp với định hướng về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Quy hoạch:* Dự án thực hiện bảo đảm tuân thủ Luật, quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; Bảo đảm đủ nguồn lực về tổ chức, con người, ngân sách để thực hiện hiệu quả các hoạt động liên quan đến quản lý môi trường; Đảm bảo tính công khai, minh bạch, chính xác, công bằng trong hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm tra, quản lý các nguồn tác động môi trường để công tác quản lý môi trường được đồng tình, ủng hộ của các Sở, Ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp; Đảm bảo công tác quản lý môi trường được thực hiện trong suốt quá trình vận hành dự án.

+ *Phù hợp với phương án phát triển mạng lưới nước cấp liên huyện:* “...*khai thác hợp lý các công trình cấp nước hiện có; mở rộng, nâng cấp và đầu tư xây dựng mới các công trình phù hợp với sự phát triển của các đô thị...*”. Trạm cấp nước Hoàn Lão khai thác hợp lý đảm bảo nguồn nước sinh hoạt cho dân cư thị trấn Hoàn Lão và các vùng lân cận, lượng nước sạch mà trạm cấp nước cung cấp cho nhân dân sử dụng đều tăng dần qua các năm nên hoàn toàn phù hợp với phương án phát triển mạng lưới cấp liên huyện được nêu ra trong Quyết định Quy hoạch xây dựng vùng của tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Do điều kiện địa hình, sông suối của khu vực nên lựa chọn nguồn tiếp nhận nước thải của Nhà máy là sông Dinh. Nước thải sẽ được dẫn theo mương thoát ra sông Dinh khoảng 30m về phía Tây.

Ngoài ra nước thải của nhà máy chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải do quá trình vệ sinh bể chứa, bể lắng lọc, cho nên hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu là BOD₅; TSS; Sunfua; Amoni; Nitrat; Photpho... Các chất ô nhiễm này đã được xử lý qua hệ thống xử lý tập trung. Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn môi trường không làm ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước, cũng như hệ sinh thái của sông.

Với những dẫn chứng trên, nước thải của Nhà máy sau khi xử lý rất phù hợp và đủ điều kiện để chọn sông Dinh là nguồn tiếp nhận.

Lưu lượng xả thải lớn nhất của trạm cấp nước là 10 m³/ngày đêm (~1,25 m³/giờ), lưu lượng nước thải không lớn. Lượng nước thải ít, chất lượng nước thải đảm bảo Cột A, C_{max}, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

gia về chất lượng nước thải công nghiệp, nên việc xả nước thải vào nguồn nước hầu như không làm ảnh hưởng đến chế độ thủy văn dòng chảy.

Ngoài ra, sông Dinh chảy qua TT Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình là nguồn nước thô được khai thác, xử lý thành nước sạch phục vụ mục đích cấp nước sinh hoạt cho khối cơ quan hành chính và các hộ dân cư trên địa bàn thị trấn Nông trường Việt Trung, đã được UBND tỉnh Quảng Bình cấp Giấy phép số 2281/GP-UBND ngày 18/8/2015. Hàng năm, Công ty CP Cấp nước Quảng Bình có tiến hành lấy mẫu nước mặt trên sông Dinh.

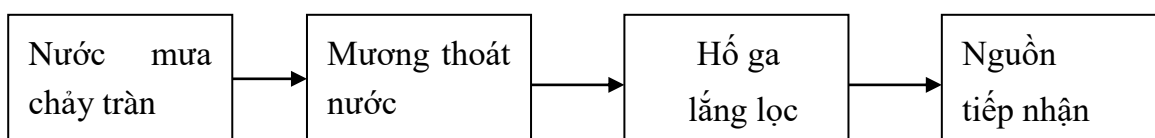


Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Để giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, Nhà máy đã xây dựng hệ thống mương dẫn nước mưa chảy tràn, kích thước rộng x sâu: 0,6 x 0,4(m). Dọc theo hệ thống mương dẫn có bố trí các hố ga để xử lý sơ bộ bằng phương pháp lắng cơ học rồi qua hệ thống thải đổ vào nguồn tiếp nhận.



Hình 3. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa



Hình 4. Hình ảnh hố ga tại cơ sở

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a). Thu gom nước thải

Tại cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt và nước thải rửa hệ thống lắng, lọc.

Hiện tại, Nhà máy có 02 nhân viên giám sát, vận hành và làm việc theo ca. Nhân viên không có hoạt động nấu ăn, tắm giặt tại trạm, nên nhu cầu sử dụng nước chỉ phục vụ vệ sinh chân tay, xả bồn cầu.

Định mức sử dụng là 20 lít/người/ngày;

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn Tài nguyên nước

Điện thoại: 0942661956

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Số lượng cán bộ làm việc tại trạm: 2 người.

$Q_{sd} = 20 \cdot 2 / 1000 = 0,04 \text{ m}^3 / \text{ngày đêm}$.

Lượng nước thải sinh hoạt tính bằng 100% lượng nước sử dụng cho sinh hoạt:

$Q_{ntsh} = 0,04 \cdot 100\% = 0,04 \text{ m}^3 / \text{ngày đêm}$.

Lượng nước cần để sục rửa bể lắng, lọc của Nhà máy là $10 \text{ m}^3 / \text{ngày đêm}$.

Lượng nước thải từ hoạt động sản xuất tính bằng 95% lượng nước cấp để sục rửa bể lắng, lọc.

$Q_{ntsx} = 10 \cdot 95\% = 9,5 \text{ m}^3 / \text{ngày đêm}$.

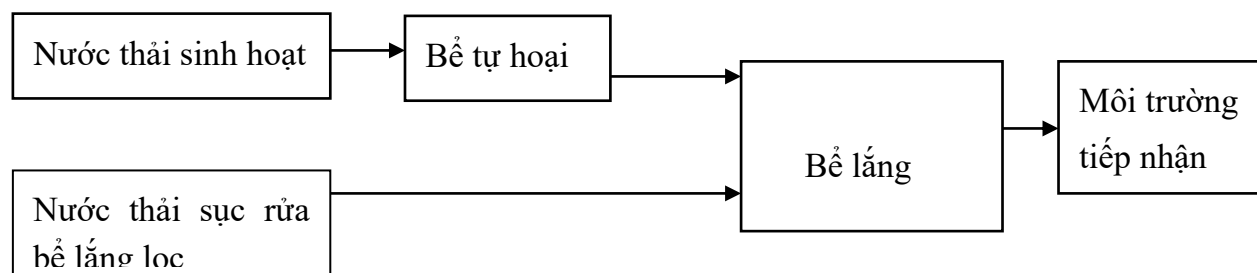
Tổng lượng nước thải của trạm là $9,5 + 0,04 \approx 10 \text{ m}^3 / \text{ngày đêm}$

Hiện tại, các công trình xử lý nước thải sinh hoạt ở khu vực Nhà máy đã được xây gồm: Nhà vệ sinh, bể tự hoại 3 ngăn, bể lắng lọc, khử trùng, các công trình này được xây dựng bằng bê tông kiên cố đảm bảo khả năng xử lý.

Nước thải xám (tắm, rửa, vệ sinh) tại cơ sở không phát sinh do nhân viên trực thường xuyên tại trạm chỉ có 2 người thay ca nhau, nhân viên không có hoạt động nấu ăn, tắm giặt tại cơ sở. Các nhân viên chỉ đến vận hành máy bơm và kiểm tra các hoạt động của thiết bị máy móc khác, đến giờ nghỉ hoặc đổi ca, nhân viên sẽ về nhà ăn uống và tắm giặt.

Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, từ bể tự hoại 3 ngăn dẫn nước thải về bể lắng có thể tích 80 m^3 qua ống nhựa PCV có đường kính 48mm với chiều dài khoảng 25m.

Nước thải dùng cho hoạt động sục rửa bể lắng Nhà máy thì theo hệ thống mương dẫn bằng bê tông xả xuống các hố ga, nước từ các hố ga chảy đến bể xử lý nước thải (xử lý bằng phương pháp lắng lọc cơ học) có thể tích 80 m^3 bằng cống BTLT D300 với chiều dài khoảng 20m, trên cống có bố trí 6 hố ga, nước thải từ hố ga số 6 được dẫn qua bể lắng bằng ống nhựa PVC có đường kính 250mm, chiều dài khoảng 2m.



Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải của cơ sở.

b). Thoát nước thải

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Nước thải của Nhà máy sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định được thải ra sông Dinh. Tạp chất cơ học lắng dưới đáy của bể lắng thì cứ sau 120 ngày được nhân viên Nhà máy nạo vét.

Hệ thống mương dẫn của nước thải sinh hoạt được xây dựng cùng với thời điểm xây dựng Nhà máy.

Nước thải sau khi xử lý được thải vào nguồn tiếp nhận là sông Dinh theo phương thức tự chảy thông qua hệ thống mương dẫn của Nhà máy có kích thước 60cm x 40cm.

- Chế độ xả nước thải: Xả nước thải không liên tục; 8/24 giờ

c). Điểm xả nước thải.

Vị trí xả thải của Nhà máy nước TT Nông trường Việt Trung là Tiểu khu 3, thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Nguồn tiếp nhận nước thải là nước mặt sông Dinh tại tiểu khu 3, thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Vị trí xả thải và vị trí tiếp nhận nước thải có tọa độ theo bản đồ tỷ lệ 1:25.000, hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiếu 3^0 :

Bảng 1. Tọa độ vị trí xả thải và vị trí nguồn tiếp nhận nước thải

STT	Vị trí	X (m)	Y (m)
1	Vị trí xả thải	1933126	553644
2	Vị trí tiếp nhận xả thải	1933114	553651

Do điều kiện tự nhiên nên nguồn tiếp nhận nước thải của trạm cấp nước TT Nông trường Việt Trung là sông Dinh. Việc lựa chọn nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả nước thải ra dựa vào sự chênh lệch địa hình khu vực của cơ sở, không ảnh hưởng đến chế độ thủy văn của nguồn nước.

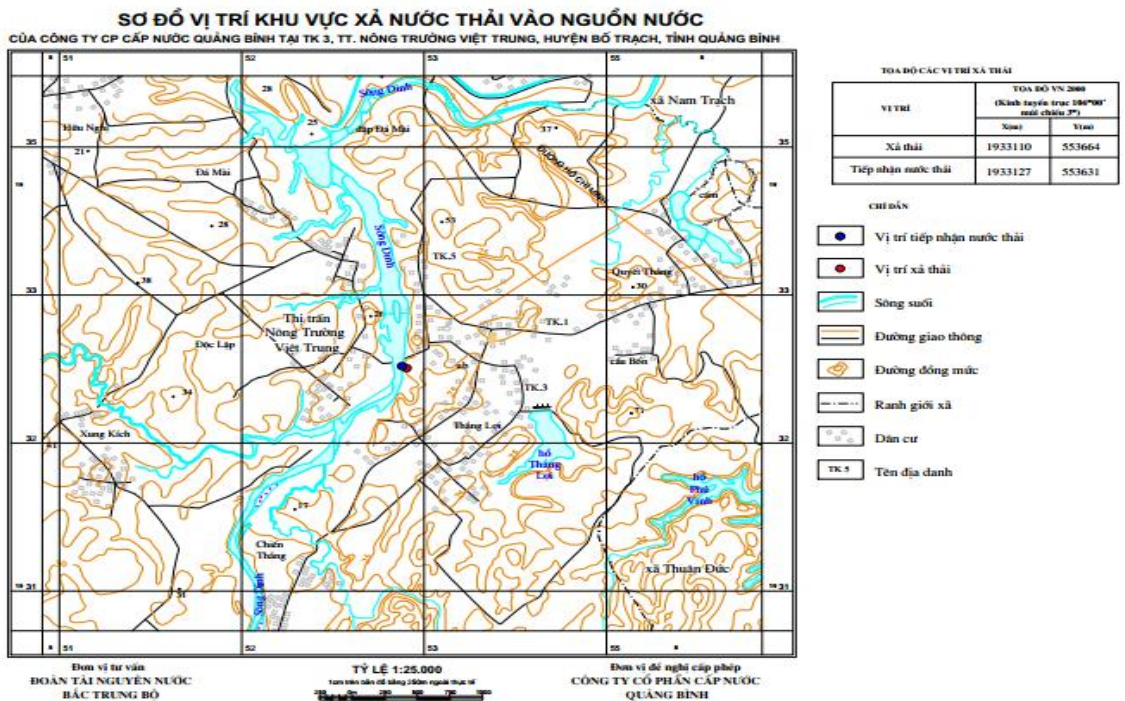
Do đó, việc lựa chọn nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả nước thải của trạm cấp nước TT Nông trường Việt Trung là phù hợp.



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.



Hình 6. Vị trí xả thải và nguồn tiếp của Nhà máy trên Google Maps



Hình 7. Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước.

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại:



Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn Tài nguyên nước

Điện thoại: 0942661956

Bể tự hoại được thiết kế 3 ngăn với ngăn đầu và ngăn thứ 2 có nhiệm vụ chứa và phân hủy chất thải, ngăn thứ 3 có tác dụng lắng và lọc cặn. Tại ngăn 1 và 2 sẽ diễn ra quá trình phân hủy kỵ khí, chất hữu cơ, cặn bã sẽ được vi khuẩn kỵ khí phân hủy thành các chất vô cơ và sinh khối.

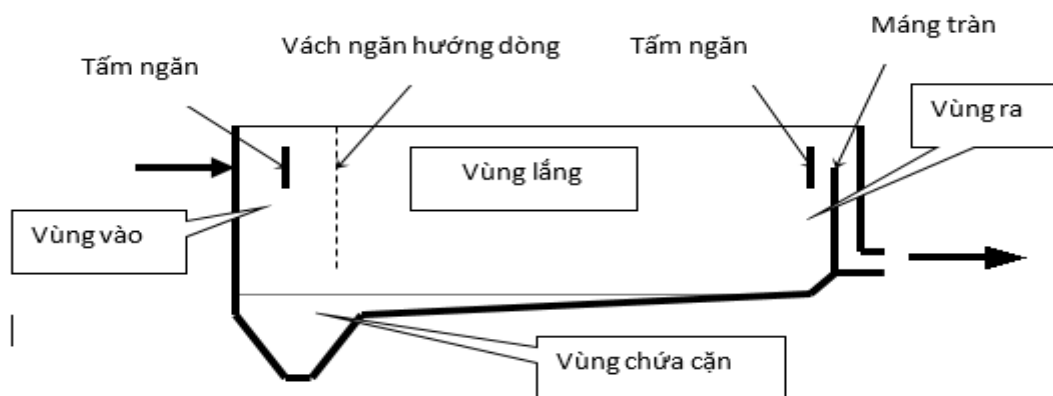
Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng cho phép đạt hiệu suất lắng cặn trung bình 50 - 70% theo cặn lơ lửng (TSS) và 25 - 45% theo chất hữu cơ (BOD và COD). Các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần trong bể tự hoại, chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn và lắng xuống, hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn, do môi trường sống không thích hợp. Nước thải sau khi được xử lý sẽ theo hệ thống ống dẫn đi ra bể lắng và xả ra môi trường.

b. Nước thải từ hoạt động sản xuất của Nhà máy

Xử lý nước thải của Nhà máy bằng phương pháp cơ học.

Nước thải của Nhà máy chủ yếu là các tạp chất cơ học, các chất lơ lửng, vì vậy sử dụng công trình xử lý cơ học để loại bỏ chúng ra khỏi nước thải trước khi thải ra môi trường.

Phương pháp cơ học là dựa vào tỉ trọng của nước và các chất rắn lơ lửng và các chất ô nhiễm có sự khác nhau để tách các tạp chất ra khỏi nước thải.



Hình 8. Mặt cắt bể lắng

Nước thải của nhà máy sẽ theo hệ thống mương dẫn đi đến bể lắng, các tạp chất có kích thước lớn sẽ được giữ lại ở lưới chắn rác và được loại bỏ ra ngoài. Lưới chắn rác được thiết kế ngay tại cửa vào của bể lắng.

Bể lắng của nhà máy có dạng hình chữ nhật, diện tích 40 m², sâu 2m. Đáy bể có thiết kế thanh gạt bùn theo chiều ngang của bể, thanh gạt này chuyển động về phía đầu vào của nước thải và gom bùn về một hố nhỏ ở đây, sau đó bùn

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

được thải ra ngoài. Quá trình lắng còn có thể kết hợp với quá trình tạo bông cặn hay đưa thêm vào một số hóa chất để cải thiện rõ nét hiệu suất lắng.

Định kì 120 ngày, cán bộ công nhân của Nhà máy sẽ nạo vét, xúc các tạp chất cơ học ở đáy bể lắng lên đem đi xử lý.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nguồn gây ô nhiễm không khí tại nhà máy chủ yếu là khí Clo phát tán tại công đoạn khử trùng. Tuy nhiên, Trạm cấp nước sử dụng phương pháp khử trùng trực tiếp bằng clo tạo ra trong quá trình điện phân muối NaCl với thiết bị clorator kín nên khả năng làm ô nhiễm môi trường không khí do khí Clo là rất hữu hạn. Nhằm tăng cường công tác an toàn nhà máy thực hiện các biện pháp sau:

- Đặt khu xử lý Clo tách biệt với các công đoạn xử lý khác.
- Tạo sự thông thoáng tốt cho khu vực điện phân tạo Clo, thường xuyên vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng quạt thông gió để loại trừ khả năng rò rỉ khí Clo từ quá trình tạo Clo ảnh hưởng cho người sử dụng khi vào làm việc.
- Bên cạnh đó Công ty đã trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ cần thiết cho công nhân như: găng tay cao su, ủng cao su, khẩu trang chống độc... và các dụng cụ công tác đảm bảo an toàn khác.
- Định kì kiểm tra và bảo đảm công tác an toàn đối với các thiết bị chịu áp lực cao (các đồng hồ áp suất, hệ thống điện phân NaCl...)

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Loại chất thải này có thành phần chính gồm các chất hữu cơ (chiếm khoảng 70%), giấy vụn các loại, nylon, nhựa, kim loại, các vật dụng sinh hoạt hàng ngày bị hư hỏng.

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày căn cứ vào lượng cán bộ, công nhân vận hành nhà máy.

Số lượng cán bộ, công nhân vận hành nhà máy là 02 người, tuy nhiên chỉ có 01 người thường xuyên ở nhà máy. Khối lượng phát sinh thực tế tại nhà máy chỉ khoảng 1,2 kg/ngày.



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Bảng 2. Thành phần rác thải sinh hoạt

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Ghi chú
1	Nhóm hữu cơ dễ phân hủy (thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật)	0,5	Công ty ký Hợp đồng dịch vụ thu gom và vận chuyển rác thải với Tổ dịch vụ vệ sinh môi trường, TT NT Việt Trung	Hợp đồng số 01-2023/HĐKT.
2	Nhóm có khả năng tái sử dụng (giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh)	0,5		
3	Nhóm còn lại	0,2		
Tổng số lượng		1,2		

- Nhà máy đã đặt 01 thùng rác có nắp đậy, loại chuyên dụng 10 lít tại khu văn phòng để thu gom lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

- *Chất thải rắn công nghiệp*: thường là các nguyên liệu cho quá trình sản xuất như cát lọc.

Bảng 3. 1. Thống kê chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Nhóm CTCNTT	Số lượng (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Ghi chú
1	Chất thải rắn sản xuất: chủ yếu là lượng bùn rắn trong các bể	2	Cơ sở tự xử lý	.- Do lượng bùn rắn chưa nhiều nên cơ sở chưa thực hiện nạo vét bùn lắng ở bể xử lý. - Khi lượng bùn lắng đủ số lượng sẽ được cơ sở thu gom tập trung tại sân phơi bùn, sử dụng để trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.
Tổng khối lượng		2		



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

3.4. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn nguy hại.

Trong quá trình hoạt động sản xuất của Nhà máy không phát sinh chất thải nguy hại trong danh mục chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của cơ sở

Thời điểm thi công xây dựng nhà máy có phát sinh ra tiếng ồn và độ rung. Tuy nhiên, hiện nay hoạt động của nhà máy là khai thác nước thô từ sông Dinh về xử lý bằng các máy bơm, quá trình khai thác và xử lý nước không có gây ra tiếng ồn và độ rung.

Các loại máy bơm nước, móng đế chân đế máy bơm được đổ móng bê tông mác cao, chân đế được đệm các lót cao su dày. Cán bộ vận hành nhà máy thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu mỡ vào hệ thống máy bơm để máy bơm hoạt động tốt.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a). Trang bị phòng cháy chữa cháy tại khu vực văn phòng

Công ty bố trí các biển hiệu, biển cảnh báo an toàn cháy nổ, biển hướng dẫn công tác chữa cháy tại khu văn phòng.

Phương tiện chữa cháy tại chỗ:

+ Khu văn phòng: 03 bình chữa cháy.

+ Thường xuyên kiểm tra trang thiết bị vật tư PCCC, có phương án sửa chữa, thay mới thiết bị khi xảy ra hỏng hóc, hư hại.

Khi có sự cố cháy, nước phục vụ chữa cháy được lấy từ bể chứa nước sạch của nhà máy.

b). Các biện pháp giảm thiểu sự cố an toàn hóa chất

Nhà máy phải sử dụng hóa chất cho quá trình xử lý nước nên bắt buộc phải áp dụng các biện pháp bảo quản hóa chất nghiêm ngặt, tránh để thất thoát, gây lãng phí và ô nhiễm môi trường.

Các loại hóa chất xử lý nước của nhà máy đều ở dạng bột, hạt rắn, chứa trong các bao, thùng chứa riêng biệt nên đã hạn chế thấp nhất nguy cơ rò rỉ ra ngoài môi trường.

Hóa chất xử lý nước của nhà máy được đơn vị cung cấp vận chuyển đến và được chứa trong gian chứa hóa chất.



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tất cả cán bộ, công nhân vận hành, khai thác nhà máy đều được tập huấn đảm bảo về an toàn hóa chất.

**. Đối với kho chứa hoá chất:*

Kho chứa hóa chất được xây dựng là nhà xây gạch, mái bằng bê tông cốt thép, có hệ thống thu lôi chống sét, được định kỳ kiểm tra theo các qui định hiện hành;

Trong kho, qui hoạch khu vực sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất;

- Tại khu vực chứa hoá chất có các phương tiện và dụng cụ để khắc phục khi có sự cố tràn đổ hoặc rò rỉ hoá chất như giẻ khô, các bình chữa cháy.

- Kho bảo quản, lưu trữ hóa chất chỉ có công nhân trực tiếp làm việc với hóa chất và người có trách nhiệm mới được ra vào, nghiêm cấm người không phận sự vào khu vực nguy hiểm và có biển cảnh báo.

- Bảo quản hóa chất theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất về nhiệt độ, độ ẩm và các yếu tố liên quan khác.

- Lập sổ theo dõi tình hình quản lý và sử dụng hóa chất trong Nhà máy.

- Tránh nguồn nhiệt, tia lửa điện, lửa gần nơi có hóa chất.

- Thường xuyên kiểm tra kho đựng hóa chất, các dụng cụ chứa hóa chất, tránh tình trạng rò rỉ hóa chất ra môi trường.

- Bao bì thải có dính hóa chất được lưu trữ trong kho và được đơn vị cung cấp hóa chất mang đi trong quá trình cung cấp hóa chất xử lý (sau khi cung cấp hóa chất, mang bao bì thải đi).

**. Quá trình sử dụng hóa chất*

- Có kế hoạch sử dụng hóa chất cho từng ngày, tuần.

- Khối lượng hóa chất được cung cấp theo nhu cầu từng ngày, sử dụng hết đến đâu mới cung cấp đến đó.

- Cán bộ vận hành nhà máy được trang bị các kiến thức đầy đủ về an toàn khi sử dụng hóa chất.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay,... cho người lao động khi tiếp xúc với hóa chất.

- Sử dụng hóa chất đúng thời gian, hướng dẫn ghi trên bao bì.

**. Ứng phó khi có sự cố xảy ra*



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Khi các loại hóa chất bị rò rỉ, rơi vãi ra ngoài cần phải được thu gom kịp thời vào các thùng chứa.

- Nhanh chóng cô lập khu vực bị rò rỉ, tràn hóa chất, thu gom, làm sạch bề mặt. Dùng các vật liệu (cát) và thùng chứa thích hợp để thu gom, giữ khô tất cả các vật liệu và chất thải sau thu gom.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu kịp thời, nhanh chóng cho người bị nhiễm hóa chất: rửa sạch mặt, tắm rửa toàn thân, súc miệng bằng nước sạch.

- Nhanh chóng liên hệ với cơ sở y tế gần nhất để có các biện pháp chữa trị kịp thời.



Hình 9. Thùng rác



Hình 10. Nội quy an toàn hóa chất

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt và nước thải từ hệ thống xử lý nước cấp.

Lưu lượng xả thải tối đa: 10 m³/ngày.đêm;

Dòng nước thải: số lượng 01 dòng.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: nước thải sau xử lý đạt cột A (giá trị C_{max} ; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT).

Lưu lượng dòng chảy của sông Dinh theo Báo cáo Điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt tỷ lệ 1:200.000 và lập danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ≤ 50 m³/s vì vậy hệ số $K_q = 0,9$ theo Bảng 2. Hệ số K_q ứng với lưu lượng dòng chảy QCVN 40:2011/BTNMT.

Lưu lượng nguồn thải F có lưu lượng nhỏ hơn 50m³/ngày đêm vì vậy hệ số $K_f = 1,2$ theo bảng 4. Hệ số lưu lượng nguồn thải K_f QCVN 40:2011/BTNMT.

Bảng 3. Giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm nước thải công nghiệp

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT $C_{max} = C \cdot K_q \cdot K_f$
1	pH	-	6 đến 9
2	COD	mg/l	81
3	BOD ₅ (20 ^{0C})	mg/l	32,4
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	54
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	5,4
6	Tổng N	mg/l	21,6
7	Tổng P	mg/l	4,32
8	Clo dư	mg/l	1,08
9	Sắt (Fe)	mg/l	1,08



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT $C_{max} = C \cdot K_q \cdot K_f$
10	Coliform	VK/100ml	3.000

Ghi chú: QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A quy định các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. (giá trị C_{max} ; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$).

Nguồn nước tiếp nhận nước thải là sông Dinh, vị trí tiếp nhận thuộc địa phận Tiểu khu 3 (TK3) thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Toạ độ vị trí tiếp nhận nước thải theo hệ toạ độ VN2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trục 106^0 , được xác định như sau: X (m) = 1933114; Y(m) = 553651

Vị trí xả thải của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Tiểu khu 3 (TK3) thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Vị trí này nằm trong khuôn viên của Nhà máy. Toạ độ vị trí xả nước thải thành lập theo hệ toạ độ VN2000, múi chiếu 3^0 , kinh tuyến trục 106^0 , tỷ lệ 1:25.000 được xác định như sau: X(m) = 1933126 và Y(m) = 5553644.

Phương thức xả thải: Nước thải sau khi được xử lý xả tự chảy theo hệ thống mương dẫn vào nguồn tiếp nhận.

Chế độ xả nước thải: xả thải không liên tục, 8/24 giờ.



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Bảng 4. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước thải

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả (NT)				QCVN 40:2011/BTNMT C _{max} = C*K _q *K _f
			Ngày 05/3/2022	Ngày 14/9/2022	Ngày 07/3/2023	Ngày 20/9/2023	
1	pH	-	8,0	7,8	7,8	7,8	6-9
2	BOD ₅	mg/l	16,7	15,9	13,7	15,3	≤ 32,4
3	COD	mg/l	28,8	32,4	32,4	24,2	≤ 81
4	TSS	mg/l	45	39	24	35	≤ 54
5	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	<0,9	<0,9	<0,9	<0,9	≤ 5,4
6	Ni tơ tổng	mg/l	1,96	2,52	1,12	1,68	≤ 21,6
7	Photpho tổng	mg/l	<0,03	<0,03	<0,03	<0,03	≤ 4,32

Ghi chú: NT: mẫu nước thải được lấy tại bể cuối cùng của hệ thống xử lý có tọa độ lấy mẫu (X: 17^o28'37.8"N; Y: 106^o30'25.6"E).

QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A quy định các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. (giá trị C_{max}; K_q = 0,9; K_f = 1,2).

Kết quả quan trắc ở Bảng trên so sánh với QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, C_{max}) cho thấy các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước mặt

Bảng 5. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước mặt

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT
			Ngày 05/3/2022	Ngày 14/9/2022	Ngày 07/3/2023	Ngày 20/9/2023	
1	pH	-	7,6	7,6	7,5	7,6	Mức A
2	BOD ₅	mg/l	5,2	11,7	7,9	5,7	Mức D
3	COD	mg/l	12	24	14	9,6	Mức D
4	TSS	mg/l	7	<5	<5	<5	Mức A
5	Sắt (Fe)	mg/l	<0,02	<0,02	<0,02	<0,02	0,5



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả				QCVN 08:2023/BTNMT
			Ngày 05/3/2022	Ngày 14/9/2022	Ngày 07/3/2023	Ngày 20/9/2023	
6	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	0,08	<0,03	<0,03	<0,03	0,3
7	NO ₂ ⁻ -N	mg/l	<0,003	<0,003	<0,003	<0,003	0,05
8	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	<0,02	0,06	0,07	0,06	-
9	Coliform	VK/100ml	420	750	650	200	Mức A
10	E.coli	VK/100ml	12	30	20	10	20

Ghi chú: Nước mặt sông Dinh có tọa độ lấy mẫu (X: 17^o28'36.6"N; Y: 106^o30'24.3"E. QCVN 08:2023/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước mặt.

Kết quả quan trắc ở Bảng trên so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT cho thấy các thông số ảnh hưởng đến sức khỏe con người có giá trị đo được nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép của quy chuẩn. Các thông số bảo vệ môi trường sống dưới nước có giá trị thay đổi từ mức D (chất lượng xấu) đến mức A (chất lượng tốt). Vì vậy, để sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt thì nguồn nước phải xử lý các thông số COD, BOD₅.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với tiếng ồn

Bảng 6. Kết quả đo tiếng ồn

TT	Địa điểm đo	Đơn vị tính	Kết quả (NT)				QCVN 24:2016/BYT	QCVN 26:2010/BTNMT
			Ngày 05/3/2022	Ngày 14/9/2022	Ngày 07/3/2023	Ngày 20/9/2023		
1	Khu vực văn phòng	dBA	55,3	57,5	56,8	55,7	65	-
2	Trạm xử lý Clo	dBA	62,5	67,7	68,3	67,2	85	-
3	Khu vực vận hành máy	dBA	75,8	73,9	74,5	73,1	85	-
4	Khu vực trung tâm Trạm	dBA	63,5	62,1	61,0	60,5	85	-
5	Tại nhà anh Nguyễn	dBA	57,6	58,9	59,3	58,5	-	70



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tuần Bình							
-----------	--	--	--	--	--	--	--

QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại các vị trí làm việc.

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

Kết quả quan trắc ở Bảng trên cho thấy:

Tiếng ồn khu vực sản xuất so sánh với QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại các vị trí làm việc đều có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn.

Tiếng ồn tại khu vực văn phòng đạt yêu cầu QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại các vị trí làm việc.

Tiếng ồn đo được tại nhà dân đạt giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

5.4. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với điện trở tiếp đất

Bảng 7. Kết quả đo điện trở tiếp đất

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả (NT)				TCVN 9385:2012
			Ngày 05/3/2022	Ngày 14/9/2022	Ngày 07/3/2023	Ngày 20/9/2023	
1	Điện trở tiếp đất	Ω	3,78	5,16	6,1	5,6	10

Ghi chú: Tại đài nước

TCVN 9385:2012 Tiêu chuẩn Quốc gia về chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

Từ kết quả trên đối chiếu với TCVN 9385:2012 (Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống) cho thấy, điện trở nối đất của các dây nối hệ thống chống sét tại Trạm cấp nước có kết quả nằm trong giới hạn cho phép của tiêu chuẩn ($TCCP \leq 10 \Omega$).

5.5. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước sinh hoạt

Bảng 8. Kết quả phân tích chất lượng nước sinh hoạt

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả				QCDP 01-2023/QB
			Ngày 05/3/2022	Ngày 14/9/2022	Ngày 07/3/2023	Ngày 20/9/2023	
1	pH	-	7,2	7,0	7,0	7,2	6,0-8,5



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2	Độ cứng	mg/l	27	21	18	15	300
3	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	<0,03	<0,09	<0,09	<0,09	0,3
4	NO ₂ ⁻ -N	mg/l	<0,01	<0,03	<0,03	<0,03	0,05
5	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	0,03	<0,06	<0,06	<0,06	2
6	Cl ⁻	mg/l	15,95	<9	<9	<9	0,3
7	Fe	mg/l	<0,02	<0,06	<0,06	<0,06	3
8	SO ₄ ²⁻	mg/l	20	18	16	18	300
9	Coliform	VK/ 100ml	KPH	0	0	0	3

Ghi chú: Nước máy sau khi xử lý có tọa độ lấy mẫu (X: 17⁰28'36.8"N; Y: 106⁰30'25.5"E

QCĐP 01:2023/QB – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Kết quả phân tích chất lượng nước sinh hoạt của Nhà máy nước so sánh với QCĐP 01:2023/QB – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình cho thấy các chỉ tiêu được kiểm tra đều đạt yêu cầu cho phép của Quy chuẩn.



Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

6.1.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.

a. Quan trắc nước thải.

Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N) NH₄⁺- N, Tổng N, Tổng P, Coliform.

Vị trí giám sát: Tại bể cuối cùng của hệ thống xử lý.

Tần suất giám sát: 06 tháng 1 lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

Quy chuẩn so sánh: Cột A, C_{max}, K_q=0,9, K_f=1,2 của QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của cơ sở.

Để đảm bảo trong quá trình hoạt động cơ sở không gây tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh, sức khỏe cộng đồng và đánh giá hiệu quả của các biện pháp phòng chống, hạn chế ô nhiễm thì công tác giám sát môi trường đóng vai trò vô cùng quan trọng.

- Giám sát chất thải thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường.

+ Giám sát khối lượng và chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn.

+ Tần suất: thường xuyên.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Bảng 9. Dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch quan trắc môi trường hằng năm

Nội dung giám sát	Đơn giá	Số lượng	Tổng chi phí
-------------------	---------	----------	--------------

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Nội dung giám sát	Đơn giá	Số lượng	Tổng chi phí
Quan trắc chất lượng nước thải, nguồn nước tiếp nhận	4.915.000 đồng/lần	2 lần/năm	9.830.000 đ



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình cơ sở đi vào hoạt động chưa có các đợt kiểm tra, thanh tra vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở trong 2 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo này.



Chương VIII. CAM KẾT CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi xin cam kết:

- Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu của chất thải pháp sinh, xử lý chất thải bảo đảm đạt các quy định, Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến Cơ sở.
3. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của Cơ sở gây nên.
4. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân.
5. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường.
6. Chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước, địa phương về công tác PCCC&CNCH.
7. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp sau để xử lý:
 - Điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
 - Tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;
 - Thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường và các quy định pháp luật liên quan khác;
 - Chịu mọi trách nhiệm về hậu quả đối với cộng đồng khu vực xung quanh nếu để xảy ra sự cố môi trường./.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà máy nước thị trấn Nông trường Việt Trung thuộc Công ty CP Cấp nước Quảng Bình tại TT nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định giao đất;
3. Bản vẽ của Nhà máy nước TT Nông trường Việt Trung;
4. Các phiếu kết quả phân tích môi trường tại cơ sở
5. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của cơ sở.
6. Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt của cơ sở
7. Sơ đồ vị trí lấy mẫu.

